

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀ PHONG NGỌC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀ PHONG NGỌC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA PHONG NGOC TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110831913

3. Ngày thành lập: 09/09/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25E, ngõ 412, đường Ngọc Thụy, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965338212

Fax:

Email: haphongngoc8986@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4669
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ) (Trừ bán buôn được phẩm)	4649
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng miếng và các mặt hàng Nhà nước cấm)	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
10.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
11.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
12.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá - trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4799

13.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá - trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4791
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
15.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng Nhà nước cấm)	4690
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
19.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
20.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
21.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
22.	Lập trình máy vi tính	6201
23.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
24.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
26.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
27.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
28.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
29.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
30.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
31.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
32.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
33.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
34.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651(Chính)
35.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
36.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
37.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
38.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
39.	Sản xuất bị, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
40.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
41.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817

42.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
43.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
44.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
45.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
46.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
47.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
48.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
51.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
52.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
54.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
55.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
56.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ đầu giá)	8299
58.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời	3511
59.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác	3512
60.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
61.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Xây dựng công trình điện	4221
65.	Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề, đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

